

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04226** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802032530	Nguyễn Thị Đào	13/01/2007					9	5.0	7.0	8.0	7.0		5.0		5.8
2	2254802032532	Nguyễn Minh Khang	19/08/2007					8	7.0	7.0	7.0	8.0		5.0		5.9
3	2254802032533	Phạm Nguyễn Cẩm Ly	22/05/2007					8	6.0	5.0	5.0	7.0		4.8		5.3
4	2254802032535	Hồ Ngọc Như	29/07/2007					8	6.0	7.0	5.0	7.0		4.4		5.2
5	2254802032536	Huỳnh Tấn Phát	14/10/2007					9	6.0	6.0	6.0	6.0		4.4		5.2
6	2254802032539	Lê Hồng Sang	21/07/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2254802032540	Phạm Tấn Sang	23/01/2007					5	5.0	5.0	5.0	5.0		0.0		2.0
8	2254802032541	Trần Văn Sơn	13/07/1999					10	10.0	10.0	9.0	10.0		9.2		9.4
9	2254802032543	Văn Thị Bé Thanh	28/02/2007					8	5.0	5.0	5.0	5.0		3.0		3.9
10	2254802032544	Lê Thị Thu Thảo	14/01/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2254802032545	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	11/12/2007					9	8.0	8.0	9.0	8.0		7.2		7.7
12	2254802032546	Nguyễn Kiều Trang	05/01/2007					9	7.0	7.0	8.0	6.0		5.0		5.9
13	2254802032547	Nguyễn Quốc Trung	10/10/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2254802032549	Lê Ngọc Trung Hiếu	05/08/2006					9	9.0	9.0	10.0	9.0		7.4		8.1

Châu Đốc, ngày 16 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh